UBND TỈNH BÌNH THUẬN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 18 tháng 4 năm 2019

KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1

Lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên - Khóa 27 (Năm 2018) dành cho huyện Hàm Tân

Ngày kiểm tra: 28/02/2019

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
01	01	Lê Thị Thùy	An	29/7/1987	Bình Thuận	61	6.5	Sáu rưỡi	
02	02	Nguyễn Thị Dung	Anh	10/11/1987	Bình Thuận	21	6.0	Sáu	
03	03	Điểu Quốc	Anh	01/01/1982	Bình Thuận	34	7.0	Bảy	
04	04	Mai Văn	Bảo	19/12/1982	Quảng Nam	47	7.0	Bảy	
05	05	Lương Kim	Bảo	30/5/1983	Bình Thuận	59	6.0	Sáu	
06	06	Lý Quang	Cần	09/9/1979	Quảng Ngãi	24	6.0	Sáu	
07	07	Võ Minh	Cảnh	20/02/1966	Quảng Nam	49	6.0	Sáu	
	08	Nguyễn Thị Kim	Chung	21/7/1987	Hà Tĩnh				*không đủ điều kiện*
	09	Phạm Văn	Cư	01/3/1969	Bình Định				*không đủ điều kiện*
08	10	Nguyễn Văn	Cung	02/02/1972	Bình Thuận	52	6.5	Sáu rưỡi	
09	11	Đoàn Thị Mỹ	Diễm	22/6/1986	Bình Định	33	7.5	Bảy rưỡi	
10	12	Lê Đình	Duẩn	07/6/1984	Thanh Hóa	27	7.0	Bảy	
11	13	Trương Thị	Dung	28/01/1983	Bình Thuận	16	7.5	Bảy rưỡi	
12	14	Lê Thị Thùy	Dung	22/8/1988	Bình Thuận	19	7.5	Bảy rưỡi	
13	15	Đỗ Đức	Duy	06/5/1987	Bình Thuận	63	6.5	Sáu rưỡi	
14	16	Huỳnh Ngọc	Duy	02/02/1984	Quảng Ngãi	37	6.5	Sáu rưỡi	
15	17	Đinh Tấn	Duy	01/6/1979	Bình Thuận	23	6.5	Sáu rưỡi	
16	18	Lê Thị Mỹ	Duyên	02/12/1990	Bình Định	67	7.0	Bảy	
17	19	Lê Tiến	Đạt	02/01/1983	Ninh Thuận	46	6.5	Sáu rưỡi	
18	20	Đậu Huy	Đôn	12/02/1988	Nghệ An	48	7.0	Bảy	
19	21	Lê	Đức	02/4/1970	Quảng Ngãi	20	6.5	Sáu rưỡi	
	22	Hoàng Thị Tuyết	Hà	16/7/1974	Quảng Trị				*không đủ điều kiện*
	23	Phạm Thị	Hải	15/01/1966	Quảng Ngãi				*thôi học*
	24	Nguyễn Văn	Hanh	11/4/1983	Thanh Hóa				*không đủ điều kiện*
20	25	Nguyễn Thị Hoàng	Hạnh	05/11/1984	Bình Thuận	29	6.5	Sáu rưỡi	
21	26	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	20/6/1977	Bình Thuận	56	6.0	Sáu	
22	27	Dương Bá	Hậu	20/7/1988	Bình Thuận	18	6.5	Sáu rưỡi	
23	28	Trần Thị Thanh	Hiền	20/4/1986	Bình Thuận	58	6.5	Sáu rưỡi	
24	29	Lê Thị	Hiếu	13/9/1986	Bình Thuận	12	7.0	Bảy	
25	30	Nguyễn Văn	Hòa	23/5/1980	Bình Thuận	9	6.5	Sáu rưỡi	
26	31	Nguyễn Đình	Hoan	02/02/1970	Thái Bình	4	6.5	Sáu rưỡi	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
27	32	Thiều Thị	Hồng	05/3/1986	Thanh Hóa	10	7.0	Bảy	
28	33	Đỗ Văn	Hùng	14/7/1970	Quảng Trị	15	6.0	Sáu	
29	34	Nguyễn Tấn	Hùng	20/11/1969	Quảng Ngãi	7	7.0	Bảy	
30	35	Đỗ Thanh	Hùng	12/4/1984	Bình Thuận	55	6.5	Sáu rưỡi	
	36	Phạm Thị	Hương	18/10/1978	Tuyên Quang				*không đủ điều kiện*
31	37	Vũ Ngọc	Huy	15/4/1984	Bình Thuận	57	7.0	Bảy	
32	38	Lê Thị	Huyền	04/11/1987	Thanh Hóa	26	7.5	Bảy rưỡi	
33	39	Nguyễn Di	Kha	24/11/1981	Bình Thuận	54	6.0	Sáu	
	40	Nguyễn Thành	Khương	14/8/1986	Bình Thuận				*không đủ điều kiện*
34	41	Nguyễn Thị Như	Liễu	29/8/1982	Bình Thuận	11	7.0	Bảy	
35	42	Lý Tùng	Linh	14/02/1979	Bình Thuận	25	6.5	Sáu rưỡi	
	43	Lê Thị Mỹ	Linh	10/12/1985	Bình Thuận				*không đủ điều kiện*
36	44	Trần Thị	Loan	21/6/1986	Hà Nội	36	7.0	Bảy	
37	45	Hồ Thanh	Lương	10/8/1978	Bình Thuận	44	7.0	Bảy	
38	46	Nguyễn Văn	Minh	11/12/1975	Bình Thuận	1	7.0	Bảy	
39	47	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/8/1982	Bình Thuận	6	7.0	Bảy	
40	48	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	20/11/1982	Bình Thuận	45	6.0	Sáu	
41	49	Trần Nguyễn Xuân	Nhi	20/9/1985	Bình Thuận	22	6.5	Sáu rưỡi	
42	50	Trần Thị Kiều	Phương	12/11/1981	Bình Thuận	62	6.5	Sáu rưỡi	
43	51	Đào Thị	Phượng	28/10/1982	Nam Định	39	7.0	Bảy	
44	52	Lương Thị	Sáng	01/4/1973	Bình Thuận	17	6.5	Sáu rưỡi	
45	53	Đỗ Tấn	Sĩ	26/6/1980	Bình Định	13	7.0	Bảy	
46	54	Phan Công	Soái	19/6/1984	Quảng Trị	2	7.0	Bảy	
47	55	Võ Xuân	Sơn	20/4/1979	Quảng Ngãi	65	6.5	Sáu rưỡi	
48	56	Trần Thị Lam	Sương	06/11/1984	Quảng Nam	64	6.5	Sáu rưỡi	
49	57	Nguyễn Thị Đoan	Tâm	07/4/1983	Bình Thuận	14	7.0	Bảy	
50	58	Hồ Thị Minh	Tâm	03/8/1983	Bình Thuận	8	6.5	Sáu rưỡi	
51	59	Ngô Thị Minh	Tâm	15/5/1984	Bình Thuận	60	6.5	Sáu rưỡi	
52	60	Đoàn Tấn	Thạch	16/7/1968	Quảng Ngãi	38	6.5	Sáu rưỡi	
53	61	Hoàng Kim	Thái	12/12/1983	Bình Thuận	28	6.5	Sáu rưỡi	
54	62	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/5/1984	Bình Thuận	30	6.5	Sáu rưỡi	
55	63	Nguyễn Đình	Thiều	02/12/1981	Bình Thuận	53	7.0	Bảy	
	64	Nguyễn	Thu	24/4/2960	Quảng Trị				*thôi học*
56	65	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	04/7/1982	Bình Thuận	5	6.0	Sáu	
	66	Giáp Thị	Thùy	10/3/1983	Bắc Giang				*không đủ điều kiện*
57	67	Trần Thị Thu	Thủy	28/5/1985	Bình Thuận	51	7.0	Bảy	
58	68	Nguyễn Minh	Tiến	12/8/1977	Hải Dương	35	7.0	Bảy	
59	69	Hoàng Thị Kim	Trâm	01/7/1990	Nghệ An	42	7.5	Bảy rưỡi	
60	70	Hồ Vy	Trang	16/6/1982	Bình Thuận	3	7.0	Bảy	
61	71	Nguyễn Văn	Trị	20/5/1974	Nghệ An	40	7.0	Bảy	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
62	72	Nông Ngọc	Tuất	13/8/1988	Cao Bằng	32	6.0	Sáu	
	73	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/3/1986	Bình Thuận				*không đủ điều kiện*
63	74	Nguyễn	Ty	06/6/1982	Bình Thuận	43	7.0	Bảy	
	75	Quách Thị Thu	Uyên	25/4/1980	Bình Thuận				*không đủ điều kiện*
64	76	Phạm Thị	Vân	01/7/1983	Thanh Hóa	31	7.5	Bảy rưỡi	
65	77	Văn Quý	Việt	10/10/1990	Quảng Nam	66	6.5	Sáu rưỡi	
66	78	Mai Trường	Vũ	02/02/1978	Quảng Nam	50	6.5	Sáu rưỡi	
67	79	Lê Thị Hoàng	Yến	22/10/1984	Bình Thuận	41	7.0	Bảy	

Tổng số bài: **67** bài

Trong đó:

* Điểm 7.5: 06 bài
* Điểm 7.0: 25 bài
* Điểm 6.5: 26 bài
* Điểm 6.0: 10 bài

Tỷ lệ:

Khá: 31 bài (Tỉ lệ: 46.27 %)

TB: 36 bài (Tỉ lệ: 53.73 %)

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Lê Hữu Tài

TRƯỞNG KHOA NN VÀ PL

ThS. Nguyễn Duy Hà

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

Ký bởi: Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận
Email: tct@binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 26.04.2019

Ký bởi: Nguyễn Thị Như Yến
Email: yenntn@tct.binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Trường Chính trị, Tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 26.04.2019

ThS. Nguyễn Thị Như Yến